TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 09- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Quang Tuấn; ông Lưu Đình Tâm

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoàn – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 06 năm 2024 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 08 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST- HNGĐ ngày 28/08/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị A; sinh năm: 1993

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện T, tỉnh Đắk Nông

Bị đơn: Anh Bùi Văn D; sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên toà vắng mặt chị A và anh D (Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18/06/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị A trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Văn D kết hôn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/05/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian hạnh phúc thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do

tính tình không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài. Mặc dù đã cố gắng chung sống vì con và được hai bên gia đình hòa giải động viên nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân không cải thiện được. Chị và anh D đã ly thân 08 năm nay. Đến nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, hạnh phúc đã thật sự tan vỡ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Kiều D1, sinh ngày: 01/11/2013. Từ khi vợ, chồng ly thân cháu D1 ở với chị và được chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Kiều D1 và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng với số tiền là 2.000.000 đồng, cho tới khi cháu D1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập anh Bùi Văn D để nộp bản tự khai và thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D đều vắng mặt không có lí do. Do đó không có ý kiến của anh D trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS); nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình: Xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Bùi Văn D. Về con chung: Giao cháu Bùi Kiều D1, sinh ngày 01/11/2013 cho chị Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9 năm 2013 đến khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Bùi Văn D phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Bùi Thị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn đối với anh Bùi Văn D. Anh D cư trú tại huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Nên xác định đây là vụ án ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh

Thanh Hóa, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh D vắng mặt không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt anh D và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho anh D theo khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Anh D đã được triệu tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng anh D đều không đến để tham gia hoà giải nên Toà án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Anh Bùi Văn D cũng đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do. Chị Bùi Thị A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tòa án xét xử vắng mặt chị A và anh D.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị A và anh Bùi Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 13/05/2013 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa và không vi phạm các điều cấm của Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ, chồng thường xuyên bất hòa. Chị A và anh D đã sống ly thân 08 năm nay không ai quan tâm đến ai. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị A được ly hôn với anh D là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị A và anh D có 01 con chung là cháu Bùi Kiều D1, sinh ngày 01/11/2013. Xét nguyện vọng của chị A đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Kiều D1 và yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 2.000.000 đồng cho tới khi cháu D1 đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án anh D không có ý kiến về nội dung này. Nguyện vọng của cháu D1 muốn ở với mẹ. Từ khi vợ chồng sống ly thân cháu D1 ở với chị A và được chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Cháu D1 là con gái cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó nguyện vọng của chị A là chính đáng nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định về mọi mặt cho con, đảm bảo con có điều kiện tốt nhất. Nên chấp nhận yêu cầu của chị A giao cháu D1 cho chị Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị anh mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng nuôi con chung tính từ tháng 9/2024 cho tới khi cháu D1 đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định của pháp luật

[4] Về tài sản: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp. Anh Bùi Văn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; 58; 81; 82; 83; 107; 110; 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị A được ly hôn anh Bùi Văn D.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Kiều D1, sinh ngày 01/11/2013 cho chị Bùi Thị A trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Bùi Văn D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Bùi Thị A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 09/2024 cho tới khi cháu D1 đủ 18 tuổi hoặc đến khi các đương sự có yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng khác.

Anh Bùi Văn D có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị A phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) chị A đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số 0002324 ngày 18/06/2024. Chị Bùi Thị A đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh Bùi Văn D phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt chị Bùi Thị A và anh Bùi Văn D. Chị A và anh D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã Thạch Lâm;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ Tọa phiên tòa

Bùi Văn Hải